

PHẦN TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN

Câu 1: Khoa học là

A. hệ thống tri thức về mọi quy luật và sự vận động của vật chất, những quy luật của tự nhiên, xã hội, tư duy.

B. ứng dụng các nguyên lí khoa học vào việc thiết kế, chế tạo, vận hành máy móc, thiết bị, công trình, quy mô và hệ thống một cách hiệu quả và kinh tế nhất.

C. giải pháp, quy trình, bí quyết kĩ thuật có hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm, dịch vụ.

D. người làm công tác nghiên cứu khoa học với các phương pháp nghiên cứu khác nhau trong các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau.

Câu 2: Kĩ thuật là

A. hệ thống tri thức về mọi quy luật và sự vận động của vật chất, những quy luật của tự nhiên, xã hội, tư duy.

B. ứng dụng các nguyên lí khoa học vào việc thiết kế, chế tạo, vận hành máy móc, thiết bị, công trình, quy mô và hệ thống một cách hiệu quả và kinh tế nhất.

C. giải pháp, quy trình, bí quyết kĩ thuật có hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm, dịch vụ.

D. người làm việc trong lĩnh vực kĩ thuật.

Câu 3: Theo lĩnh vực kĩ thuật không có công nghệ nào?

A. Công nghệ cơ khí.

B. Công nghệ điện.

C. Công nghệ xây dựng.

D. Công nghệ sinh học.

Câu 4: Yếu tố nào sau đây thúc đẩy công nghệ phát triển?

A. Nhu cầu của xã hội và con người.

B. Cơ sở khoa học của xã hội và con người.

C. Trình độ khoa học của xã hội và con người.

D. Khoa học và kĩ thuật không có sự tác động qua lại.

Câu 5: Phần tử nào sau đây thuộc đầu vào của hệ thống kĩ thuật?

A. Thông tin cần xử lí

B. Thông tin đã xử lí

C. Vận chuyển

D. Biến đổi

Câu 6: Phần tử nào sau đây thuộc bộ phận xử lí của hệ thống kĩ thuật?

A. Thông tin cần xử lí

B. Thông tin đã xử lí

C. Biến đổi

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 7: Hệ thống kĩ thuật được chia làm mấy loại?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 8: Sóng điện từ là

A. liên kết truyền thông.

B. liên kết điện, điện tử.

C. liên kết cơ khí.

D. liên kết thủy lực, khí nén.

Câu 9: Công nghệ chiếu sáng là

A. công nghệ sản xuất điện quang.

B. công nghệ điện quang.

C. công nghệ điện cơ.

D. công nghệ điều khiển.

Câu 10: Công nghệ nào sau đây thuộc lĩnh vực điện – điện tử?

- A. Công nghệ gia công áp lực
- B. Công nghệ hàn
- C. Công nghệ sản xuất điện năng
- D. Công nghệ đúc

Câu 11: Công nghệ nào sau đây không thuộc lĩnh vực điện – điện tử?

- A. Công nghệ điện – quang
- B. Công nghệ điện – cơ
- C. Công nghệ truyền thông không dây
- D. Công nghệ hàn

Câu 12: Công nghệ luyện kim là

A. điều chế kim loại, hợp kim để dùng trong cuộc sống từ các loại quặng hoặc từ các nguyên liệu khác.

B. chế tạo sản phẩm kim loại bằng phương pháp nấu kim loại thành trạng thái lỏng, sau đó rót vào khuôn có hình dạng và kích thước như sản phẩm.

C. thực hiện việc lấy đi một phần kim loại của phôi dưới dạng phoi nhờ các dụng cụ cắt và máy cắt kim loại để tạo ra chi tiết có hình dạng, kích thước theo yêu cầu.

D. dựa vào tính dẻo của kim loại, dùng ngoại lực của thiết bị làm cho kim loại biến dạng theo hình dáng yêu cầu.

Câu 13: Công nghệ đúc là

A. điều chế kim loại, hợp kim để dùng trong cuộc sống từ các loại quặng hoặc từ các nguyên liệu khác.

B. chế tạo sản phẩm kim loại bằng phương pháp nấu kim loại thành trạng thái lỏng, sau đó rót vào khuôn có hình dạng và kích thước như sản phẩm.

C. thực hiện việc lấy đi một phần kim loại của phôi dưới dạng phoi nhờ các dụng cụ cắt và máy cắt kim loại để tạo ra chi tiết có hình dạng, kích thước theo yêu cầu.

D. dựa vào tính dẻo của kim loại, dùng ngoại lực của thiết bị làm cho kim loại biến dạng theo hình dáng yêu cầu.

Câu 14: Công nghệ sản xuất điện năng là công nghệ

A. biến đổi các năng lượng khác thành điện năng.

B. biến đổi điện năng thành quang năng

C. biến đổi năng lượng điện sang cơ năng.

D. thiết kế, xây dựng, vận hành các hệ thống điều khiển nhằm mục đích tự động các quá trình sản xuất tại các nhà máy, xí nghiệp.

Câu 15: Công nghệ điều khiển và tự động hóa là công nghệ

A. biến đổi các năng lượng khác thành điện năng.

B. biến đổi điện năng thành quang năng

C. biến đổi năng lượng điện sang cơ năng.

D. thiết kế, xây dựng, vận hành các hệ thống điều khiển nhằm mục đích tự động các quá trình sản xuất tại các nhà máy, xí nghiệp.

Câu 16: Công nghệ nano là

A. phân tích, chế tạo và ứng dụng các vật liệu có cấu trúc nano.

B. sử dụng phần mềm CAD để thiết kế chi tiết sau đó chuyển mô hình thiết kế đến phần mềm CAM để lập quy trình công nghệ gia công chi tiết sau đó sử dụng máy điều khiển số CNC để gia công chi tiết.

C. phân tách mô hình 3D thành các lớp 2D xem chồng lên nhau.

D. sản xuất năng lượng trên cơ sở chuyển hóa từ các nguồn năng lượng liên tục, vô hạn, ít tác động tiêu cực đến môi trường.

Câu 17: Công nghệ in 3D là

A. phân tích, chế tạo và ứng dụng các vật liệu có cấu trúc nano.

B. sử dụng phần mềm CAD để thiết kế chi tiết sau đó chuyển mô hình thiết kế đến phần mềm CAM để lập quy trình công nghệ gia công chi tiết sau đó sử dụng máy điều khiển số CNC để gia công chi tiết.

C. phân tách mô hình 3D thành các lớp 2D xem chồng lên nhau.

D. sản xuất năng lượng trên cơ sở chuyển hóa từ các nguồn năng lượng liên tục, vô hạn, ít tác động tiêu cực đến môi trường.

Câu 18: Công nghệ nào sau đây được phân loại theo lĩnh vực khoa học?

A. Công nghệ hóa học

B. Công nghệ cơ khí

C. Công nghệ điện

D. Công nghệ xây dựng

Câu 19: Công nghệ nào sau đây được phân loại theo lĩnh vực kỹ thuật?

A. Công nghệ sinh học

B. Công nghệ thông tin

C. Công nghệ vận tải

D. Công nghệ hóa học

Câu 20: Công nghệ nào để gia công chi tiết có mặt tròn xoay?

A. công nghệ hàn.

B. công nghệ gia công áp lực.

C. công nghệ đúc.

D. công nghệ cắt gọt kim loại.

Câu 21: Hiện nay ở nước ta ngành nào được thu hút nhiều vốn đầu tư của nước ngoài nhất?

A. Xây dựng, kinh tế.

B. Thông tin truyền thông.

C. Công nghệ chế biến, chế tạo

D. Kinh doanh bất động sản.

Câu 22: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba là

A. công nghệ không dây

B. công nghệ kỹ thuật số

C. công nghệ động cơ hơi nước

D. công nghệ động cơ đốt trong.

Câu 23: Cuộc cách mạng ứng dụng nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo là

A. công nghệ không dây.

B. công nghệ kỹ thuật số.

C. công nghệ động cơ hơi nước.

D. công nghệ động cơ đốt trong.

Câu 24: Công nghệ nào sau đây thuộc lĩnh vực luyện kim, cơ khí?

A. Công nghệ điều khiển và tự động hóa

B. Công nghệ truyền thông không dây

C. Công nghệ luyện kim

D. Công nghệ điện quang

Câu 25: Công nghệ nào sau đây không thuộc lĩnh vực luyện kim, cơ khí?

A. Công nghệ đúc

B. Công nghệ gia công cắt gọt

C. Công nghệ hàn

D. Công nghệ điều khiển và tự động hóa

Câu 26: Công nghệ gia công cắt gọt là

A. điều chế kim loại, hợp kim để dùng trong cuộc sống từ các loại quặng hoặc từ các nguyên liệu khác.

B. chế tạo sản phẩm kim loại bằng phương pháp nấu kim loại thành trạng thái lỏng, sau đó rót vào khuôn có hình dạng và kích thước như sản phẩm.

C. thực hiện việc lấy đi một phần kim loại của phôi dưới dạng phoi nhờ các dụng cụ cắt và máy cắt kim loại để tạo ra chi tiết có hình dạng, kích thước theo yêu cầu.

D. dựa vào tính dẻo của kim loại, dùng ngoại lực của thiết bị làm cho kim loại biến dạng theo hình dáng yêu cầu.

Câu 27: Công nghệ gia công áp lực là

A. điều chế kim loại, hợp kim để dùng trong cuộc sống từ các loại quặng hoặc từ các nguyên liệu khác.

B. chế tạo sản phẩm kim loại bằng phương pháp nấu kim loại thành trạng thái lỏng, sau đó rót vào khuôn có hình dạng và kích thước như sản phẩm.

C. thực hiện việc lấy đi một phần kim loại của phôi dưới dạng phoi nhờ các dụng cụ cắt và máy cắt kim loại để tạo ra chi tiết có hình dạng, kích thước theo yêu cầu.

D. dựa vào tính dẻo của kim loại, dùng ngoại lực của thiết bị làm cho kim loại biến dạng theo hình dáng yêu cầu.

Câu 28: Công nghệ điện – quang

A. biến đổi các năng lượng khác thành điện năng.

B. biến đổi điện năng thành quang năng

C. biến đổi năng lượng điện sang cơ năng.

D. thiết kế, xây dựng, vận hành các hệ thống điều khiển nhằm mục đích tự động các quá trình sản xuất tại các nhà máy, xí nghiệp.

Câu 29: Công nghệ điện – cơ

A. biến đổi các năng lượng khác thành điện năng. B. biến đổi điện năng thành quang năng

C. biến đổi năng lượng điện sang cơ năng.

D. thiết kế, xây dựng, vận hành các hệ thống điều khiển nhằm mục đích tự động các quá trình sản xuất tại các nhà máy, xí nghiệp.

Câu 30: Công nghệ năng lượng tái tạo là

A. phân tích, chế tạo và ứng dụng các vật liệu có cấu trúc nano.

B. sử dụng phần mềm CAD để thiết kế chi tiết sau đó chuyển mô hình thiết kế đến phần mềm CAM để lập quy trình công nghệ gia công chi tiết sau đó sử dụng máy điều khiển số CNC gia công chi tiết.

C. phân tách mô hình 3D thành các lớp 2D xém chồng lên nhau.

D. sản xuất năng lượng trên cơ sở chuyển hóa từ các nguồn năng lượng liên tục, vô hạn, ít tác động tiêu cực đến môi trường.

Câu 31: Mục đích của đánh giá công nghệ là gì?

A. Nhận biết được mặt tích cực và tiêu cực của công nghệ.

B. Lựa chọn thiết bị công nghệ phù hợp cho bản thân hoặc cho gia đình.

C. Lựa chọn công nghệ phù hợp để áp dụng vào dự án khoa học kỹ thuật

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 32: Tiêu chí về hiệu quả của đánh giá công nghệ là đánh giá về

A. năng suất công nghệ. B. độ chính xác của công nghệ

C. chi phí đầu tư D. sự tác động của công nghệ đến môi trường không khí

Câu 33: Tiêu chí về độ tin cậy của đánh giá công nghệ là đánh giá về

A. năng suất công nghệ. B. độ chính xác của công nghệ

C. chi phí đầu tư D. sự tác động của công nghệ đến môi trường không khí

Câu 34: Tiêu chí về kinh tế của đánh giá công nghệ là đánh giá

A. năng suất công nghệ. B. độ chính xác của công nghệ

C. chi phí đầu tư D. sự tác động của công nghệ đến môi trường không khí

Câu 35: Tiêu chí về môi trường của đánh giá công nghệ là đánh giá

A. năng suất công nghệ. B. độ chính xác của công nghệ

C. chi phí đầu tư D. sự tác động của công nghệ đến môi trường không khí

Câu 36: Tiêu chí nào đảm bảo tính công nghệ lựa chọn đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng công nghệ?

A. Hiệu quả B. Độ tinh cậy C. Tính kinh tế D. Môi trường.

Câu 38: Lịch sử loài người đã trải qua mấy cuộc cách mạng công nghiệp?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 39: Đặc trưng cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là

A. năng lượng hơi nước và cơ giới hóa B. năng lượng điện và sản xuất hàng loạt

C. công nghệ thông tin và tự động hóa D. công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

Câu 40: Đặc trưng cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai là

- A. động cơ hơi nước và cơ giới hóa B. năng lượng điện và sản xuất hàng loạt
C. công nghệ thông tin và tự động hóa D. công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

Câu 41: Đặc trưng cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba là

- A. động cơ hơi nước và cơ giới hóa B. năng lượng điện và sản xuất hàng loạt
C. công nghệ thông tin và tự động hóa D. công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

Câu 42: Đặc trưng cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là

- A. động cơ hơi nước và cơ giới hóa B. năng lượng điện và sản xuất hàng loạt
C. công nghệ thông tin và tự động hóa D. công nghệ số, tính kết nối và trí tuệ nhân tạo

Câu 43: Thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ hai là

- A. máy hơi nước của James Watt B. máy dệt vải của linh mục Edmund Cartwright
C. luyện thép của Henry Cort D. tua bin hơi phản lực của Charles Parsons

Câu 44: Nghề nào sau đây không thuộc ngành cơ khí?

- A. Hàn B. Cơ khí chế tạo
C. Chế tạo khuôn mẫu D. Lắp đặt hệ thống điện.

Câu 45: Vật liệu dùng để làm cầu phao, sàn nổi, phao công va chạm cho tàu biển, giàn khoan là

- A. chất dẻo siêu mỏng B. graphene C. aerogel D. sợi carbon nano.

Câu 46: CAD (Computer Aided Design) là

- A. thiết kế có sự trợ giúp của máy tính B. sản xuất có sự trợ giúp của máy tính
C. điều khiển bằng máy tính D. điều khiển bằng kỹ thuật số.

Câu 47: Vật liệu dùng để chế tạo các màn cảm ứng là

- A. chất dẻo siêu mỏng B. graphene C. aerogel D. sợi carbon nano.

Câu 48: Vai trò của bản vẽ kỹ thuật là

- A. dùng để gia công, chế tạo, lắp ráp, thi công và kiểm tra sản phẩm.
B. trình bày các thông tin về hình dạng, kích thước của vật thể.
C. dùng trong ngành cơ khí, xây dựng, kiến trúc...
D. bản vẽ được trình bày theo một quy tắc thống nhất.

Câu 49: Từ khổ giấy A2 chia được bao nhiêu khổ giấy A4?

- A. 2 B. 6 C. 4 D. 8

Câu 50: Kích thước của khung tên là

- A. 140x32 (mm) B. 140x32 (cm) C. 297x 210 (mm) D. 170x210 (cm)

Câu 51: Trong phương pháp chiếu góc thứ nhất, hình chiếu cạnh được đặt ở đâu so với hình chiếu đứng?

- A. Bên phải B. Bên trái C. Ở trên D. Ở dưới

Câu 52: Vị trí của khung tên trên bản vẽ kỹ thuật là ở góc

- A. trái phía trên bản vẽ. B. phải phía dưới bản vẽ.
C. phải phía trên bản vẽ. D. trái phía dưới bản vẽ.

Câu 53: Trong phương pháp góc chiếu thứ nhất, hình chiếu bằng được đặt như thế nào so với hình chiếu đứng?

- A. Bên trái B. Bên phải C. Ở dưới D. Ở trên

Câu 54: Trong phương pháp chiếu góc thứ nhất, vật thể được đặt ở đâu so với người quan sát và mặt phẳng hình chiếu?

- A. Đặt trên. B. Đặt sau. C. Đặt trước. D. Đặt giữa .

Câu 55: Hình biểu diễn các đường bao của vật thể nằm trên mặt phẳng cắt gọi là

- A. hình chiếu. B. mặt cắt. C. hình cắt và mặt cắt. D. hình cắt.

Câu 56: Khi vẽ hình cắt một nửa, đường phân cách giữa nửa hình chiếu với nửa hình cắt là nét

- A. nét lượn sóng. B. nét liền mảnh. C. nét gạch chấm mảnh. D. nét đứt mảnh.

Câu 57: Hình biểu diễn gồm nửa hình cắt ghép với nửa hình chiếu gọi là

- A. hình cắt một nửa. B. hình cắt toàn bộ. C. hình cắt một phần. D. hình cắt cục bộ.

Câu 58: Hình chiếu trục đo là hình biểu diễn ba chiều của vật thể được xây dựng bằng phép chiếu

- A. vuông góc B. song song C. xuyên tâm D. đối xứng

Câu 59: Tỷ số độ dài hình chiếu của một đoạn thẳng nằm trên trục tọa độ với độ dài thực của đoạn thẳng đó, gọi là:

- A. Tỷ số trục đo B. Hệ số trục đo C. Tỷ lệ biến dạng D. Hệ số biến dạng

Câu 60. Hệ số biến dạng hình chiếu trục đo xiên góc cân là

- A. $p = q = r = 1$ B. $p = q = 1, r = 0,5$
C. $p = r = 1, q = 0,5$ D. $q = r = 1, p = 0,5$

Câu 61: Chiều rộng (d) của nét chữ thường lấy bằng

- A. $10h$. B. $\frac{10}{h}$. C. $\frac{1}{10}h$. D. $0,5h$.

Câu 62: Nét lượn sóng dùng để vẽ đường

- A. giới hạn một phần hình cắt. B. bao khuất.
C. bao thấy. D. giống kích thước.

Câu 63: Chữ số dùng để ghi kích thước đoạn thẳng trên bản vẽ kỹ thuật là

- A. 50 B. $r20$ C. $\emptyset 30$ D. R50

Câu 64: Phương pháp hình chiếu vuông góc (HCVG) là phương pháp

- A. biểu diễn các phần có góc vuông của một vật thể lên bản vẽ.
B. biểu diễn các hình chiếu vuông góc trên 3 mặt phẳng.
C. biểu diễn các hình chiếu vuông góc trên cùng một mặt phẳng.
D. biểu diễn các hình chiếu vuông góc trên 2 mặt phẳng.

Câu 65: Trong phương pháp góc chiếu thứ nhất thì hình chiếu có hướng chiếu từ phía trên được gọi là

- A. hình chiếu đứng. B. hình chiếu bằng. C. hình chiếu cạnh. D. hình chiếu trồi.

Câu 66: Ứng dụng của nét lượn sóng dùng để vẽ gì?

- A. Đường giới hạn một phần hình cắt. B. Đường kích thước và đường giống.
C. Đường gạch mặt cắt. D. Đường bao thấy, cạnh thấy, khung vẽ.

Câu 67: Tiêu chuẩn Việt Nam qui định về tỉ lệ trong bảng vẽ kỹ thuật là

- A. TCVN 7285:2003. B. TCVN 7286:2003.
C. TCVN 7583-1: 2006. D. TCVN 8-24:2002.

Câu 68: Trong phương pháp hình chiếu vuông góc, hướng chiếu từ trên xuống ta được

- A. hình chiếu thẳng. B. hình chiếu bằng.
C. hình chiếu đứng. D. hình chiếu cạnh.

Câu 69: Khổ giấy A4 có kích thước tính theo mm là

- A. 420×297 . B. 841×594 . C. 297×210 . D. 594×420 .

Câu 70 Trên con số kích thước đường kính đường tròn và bán kính của cung tròn ghi các kí hiệu lần lượt là?

- A. M và R. B. \emptyset và M. C. M và T. D. \emptyset và R.

Câu 71: Tiêu chuẩn Việt Nam qui định về nét vẽ trong bảng vẽ kỹ thuật là

- A. TCVN 7285:2003. B. TCVN 7286:2003.
C. TCVN 7583-1: 2006. D. TCVN 8-24:2002.

Câu 72: Trong phương pháp hình chiếu vuông góc, hướng chiếu từ trước vào ta được

- A. hình chiếu cạnh. B. hình chiếu thẳng.
C. hình chiếu bằng. D. hình chiếu đứng.

Câu 37: Trong phương pháp chiếu góc thứ nhất, hình chiếu cạnh được đặt như thế nào so với hình chiếu đứng?

- A. Bên phải. B. Ở dưới. C. Ở trên. D. Bên trái.
- Câu 74: Tỷ lệ nào sau đây là tỷ lệ thu nhỏ?
A. 10:1; 1:5. B. 2:1; 1:1. C. 1:2; 1:20. D. 2:1; 5:1.
- Câu 75: Đường tâm và đường trục đối xứng vẽ bằng nét
A. liền đậm. B. gạch chấm mảnh.
C. liền mảnh. D. đứt mảnh.
- Câu 76: Bước đầu tiên khi thực hiện phương pháp góc chiếu thứ nhất là gì?
A. Xoay mặt phẳng hình chiếu bằng (MPHCB) xuống dưới một góc 90° , mặt phẳng hình chiếu cạnh (MPHCC) sang phải một góc 90° để các hình chiếu cùng nằm trên một mặt phẳng (mặt phẳng bản vẽ).
B. Dùng phép chiếu vuông góc chiếu các mặt của vật thể lên trên các mặt phẳng hình chiếu.
C. Đặt vật thể cần biểu diễn vào trong góc được tạo bởi các mặt phẳng hình chiếu đứng, mặt phẳng hình chiếu bằng và mặt phẳng hình chiếu cạnh vuông góc với nhau từng đôi một.
D. Tạo lập một hệ thống máy chiếu đặt ở ba góc của vật thể nhằm phát huy tối đa khả năng vẽ chính xác.
- Câu 77: Đường bao khuất và cạnh khuất được vẽ bằng nét vẽ nào?
A. Liền đậm. B. Lượn sóng. C. Liền mảnh. D. Đứt mảnh.
- Câu 78: Trên bản vẽ kỹ thuật những con số kích thước không ghi đơn vị thì được tính theo đơn vị
A. mm. B. cm. C. m. D. dm.
- Câu 79: Tiêu chuẩn Việt Nam qui định về khổ giấy trong bản vẽ kỹ thuật là
A. TCVN 7286:2003. B. TCVN 7285:2003.
C. TCVN 7284:2003. D. TCVN 8-24:2002.
- Câu 80: Đường kích thước và đường gióng kích thước được vẽ bằng nét
A. đứt mảnh. B. liền đậm. C. lượn sóng. D. liền mảnh.

PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1. Câu hỏi đúng sai

- Khoa học là hệ thống tri thức về mọi quy luật và sự vận động của vật chất, những quy luật của tự nhiên, xã hội, tư duy.
- Khoa học là ứng dụng các nguyên lí khoa học vào việc thiết kế, chế tạo, vận hành máy móc, thiết bị, công trình, quy mô và hệ thống một cách hiệu quả và kinh tế nhất.
- Khoa học là giải pháp, quy trình, bí quyết kĩ thuật có hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm, dịch vụ.
- Khoa học là công tác nghiên cứu khoa học với các phương pháp nghiên cứu khác nhau trong các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau.

Câu 2. Câu hỏi đúng sai

- Kĩ thuật là hệ thống tri thức về mọi quy luật và sự vận động của vật chất, những quy luật của tự nhiên, xã hội, tư duy.
- Kĩ thuật là ứng dụng các nguyên lí khoa học vào việc thiết kế, chế tạo, vận hành máy móc, thiết bị, công trình, quy mô và hệ thống một cách hiệu quả và kinh tế nhất.
- Kĩ thuật là giải pháp, quy trình, bí quyết kĩ thuật có hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm, dịch vụ.
- Kĩ thuật là người làm việc trong lĩnh vực kĩ thuật.

Câu 3. Câu hỏi đúng sai

- Công nghệ giải pháp ứng dụng phát minh khoa học vào mục đích thực tế, đặc biệt trong công nghiệp.
- Công nghệ giải pháp, quy trình kĩ thuật có kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm, dịch vụ.

c. Công nghệ giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm, dịch vụ.

d. Công nghệ giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có hoặc không kèm theo phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành dịch vụ.

Câu 4. Câu hỏi đúng sai

Chọn nội dung đúng sai về đặc điểm của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai

a. chỉ diễn ra ở một số nước trên thế giới, mở đầu từ nước Anh, sau đó lan toả sang những nước khác như Mỹ và các nước châu Âu.

b. sự kết hợp giữa khoa học với sản xuất ngày càng chặt chẽ, đưa khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

c. mang tính toàn cầu tạo điều kiện cho các nước chậm phát triển có điều kiện và cơ hội phát triển sản xuất và đời sống.

d. xảy ra trên phạm vi toàn cầu làm thay đổi toàn bộ hệ thống sản xuất, quản lí, dịch vụ, nghỉ ngơi, giải trí của con người.

Câu 5. Chọn câu đúng sai

a. cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là động cơ hơi nước.

b. cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là động cơ đốt trong.

c. cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba là cuộc cách mạng về tự động hóa.

d. cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là cuộc cách mạng không dây.